

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 16-9-2020
Về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố K, tỉnh Q (*có mặt.*)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị An B**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: K123H54/19 đường L, tổ 45, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Nhà số K123H54/19 đường L, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019, bản tự khai ngày 13/02/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/3/2020, biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị An B có mối quan hệ làm ăn với nhau về việc mua bán tài sản là thịt heo, theo đó bà cung cấp thịt heo cho bà B để bà B bán quán ăn. Quá trình mua bán, làm ăn thì đến ngày 24/02/2019, giữa bà N và bà B thỏa thuận chốt số nợ, cụ thể bà B còn nợ bà N số tiền là 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*) và cam kết mỗi tuần bà B trả cho bà N số tiền 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền nợ trên, thời gian trả nợ từ ngày 24/02/2019 đến ngày 19/5/2019. Tuy nhiên, từ đó đến nay, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà B vẫn không trả cho bà được đồng nào. Cùng ngày xác nhận nợ thì bà B có gửi lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 4X5-4947 cho bà N để làm tin.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị An B phải trả số tiền 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 43X5-4947 bà N xác định bà sẽ trả lại cho bà B, trong vụ án này thì bà không yêu cầu giải quyết, nếu sau này các bên có tranh chấp thì sẽ giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền.

** Tại bản tự khai ngày 05/03/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/3/2020, biên bản hòa giải ngày 05/3/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị An B trình bày:* Bà và bà Nguyễn Thị N có quan hệ làm ăn, cụ thể là bà mua tài sản là thịt heo của bà N để về bán quán hàng ăn. Bà B xác nhận bà còn nợ bà N số tiền hàng thịt heo chưa thanh toán là 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*) theo giấy xác nhận nợ ngày 24/02/2019. Theo giấy xác nhận nợ trên thì bà B có cam kết sẽ trả cho bà N số tiền 5.000.000đ/1 tuần, thời gian thanh toán kể từ ngày 24/02/2019 đến ngày 19/05/2019 cho đến khi hết số tiền nợ 65.000.000đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, việc kinh doanh buôn bán thua lỗ nên đã dừng hoạt động kinh doanh, hiện bà không có công việc ổn định, khách hàng thì chưa thanh toán tiền cho bà B nên bà B không có khả năng trả tiền ngay một lần cho bà N được. Khi viết giấy xác nhận nợ thì bà B có gửi lại chiếc xe máy biển kiểm soát số 43X5-4947 cho bà N để làm tin.

Nay bà N yêu cầu phải trả ngay một lần số tiền 65.000.000 đồng thì bà B đề nghị bà N cho thêm một khoảng thời gian đến ngày 30/10/2020 để bà thu xếp tài chính và bà sẽ thanh toán hết số tiền nợ 65.000.000đ cho bà N.

** Tại bản tự khai ngày 06/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành L trình bày:* Hiện nay, đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 43X5-4947 bản thân tôi không còn sử dụng và đã cho chị Nguyễn Thị An B đi và quản lý, sử dụng. Chị B giao chiếc xe này cho bà Nguyễn Thị N để làm tin

trong việc giải quyết tiền nong. Do tôi đã cho chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 43X5-4947, số khung 039706, số máy 039706 đứng tên chủ sở hữu là tôi (Nguyễn Thành L) cho chị Nguyễn Thị An B. Do vậy, tôi không còn liên quan gì đến chiếc xe máy này. Việc định đoạt chiếc xe là cho chị B tự quyết định. Tôi cho chị B chiếc xe nêu trên vào thời gian tháng 01/2017, việc tặng cho chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định. Nay tôi xác định không còn liên quan gì đến chiếc xe nêu trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tôi không có yêu cầu hay khiếu nại gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 280 của Bộ luật dân sự, Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng. Đối với việc bà B có đưa 01 xe máy biển kiểm soát 43X5-4947 cho bà N để làm tin, do các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào 02 Giấy xác nhận nợ cùng ghi ngày 24/02/2019 với nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị An B có nợ bà Nguyễn Thị N số tiền hàng mua bán thịt heo là 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*). Đây là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên có tranh chấp, bà Nguyễn Thị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị An B phải trả số tiền mua hàng chưa thanh toán. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị An B có địa chỉ tại số K123H54/19 đường L, tổ 45 (23 cũ), phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là bà

Nguyễn Thị An B vắng mặt không có lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về nội dung*: Theo 02 (hai) giấy xác nhận nợ cùng ghi ngày 24/02/2019 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị An B còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền mua hàng thịt heo là 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), bà B cam kết trả nợ mỗi tuần là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) vào thứ 3. Thời gian trả nợ từ ngày 24/02/2019 đến ngày 19/5/2019. Theo bà N trình bày thì bà đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ tiền hàng chưa thanh toán nhưng bà B trây ỳ, không chịu trả, hẹn hết lần này đến lần khác. Tại phiên tòa hôm nay, bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị An B phải thanh toán số tiền 65.000.000 đồng và không tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào 02 (*hai*) “*Giấy Xác Nhận Nợ*” cùng ghi ngày 24/02/2019 có chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị An B, thể hiện bà B còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 65.000.000 đồng; mặt khác tại Bản tự khai ngày 05/3/2020 và tại Biên bản hòa giải 05/3/2020, bà B cũng thừa nhận còn nợ bà N số tiền 65.000.000 đồng. Tại giấy xác nhận nợ nêu trên, bà B cam kết trả nợ mỗi tuần là 5.000.000 đồng vào thứ 3, thời gian trả nợ từ 24/02/2019 đến ngày 19/5/2019 nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như cam kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ 65.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 280, 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị An B thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị N tiền mua tài sản là thịt heo với số tiền 65.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 05/3/2020 bà đề nghị bà N cho bà một thời gian để bà thu xếp tài chính, đến 30/10/2020 sẽ thanh toán hết nhưng không được bà N chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bà B, cần buộc bà Nguyễn Thị An B phải trả cho bà N số tiền 65.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về yêu cầu tính lãi*: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Bà Nguyễn Thị An B khi viết giấy xác nhận nợ thì có gửi cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43X5-4947, số khung 03976, số máy 039706 đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Thành L để làm tin trong việc cam kết thanh toán số tiền còn nợ.

[7] Ông Nguyễn Thành L xác định đã tặng cho chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43X5-4947, số khung 03976, số máy 039706 đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Thành L cho bà Nguyễn Thị Bình nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, ông không còn liên quan gì đến chiếc xe nêu trên, việc định đoạt chiếc xe

do bà Nguyễn Thị Bình tự quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy, ông L xác định không còn liên quan gì đến chiếc xe mô tô nêu trên; bà N và bà B trong quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu giải quyết chiếc xe mô tô nêu trên nên không đề cập giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị An B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 280, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị An B.

1. Buộc bà Nguyễn Thị An B phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị An B phải chịu 3.250.000đ (*Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 1.625.000đ (*Một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003286 ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện